

Số: 03 /TB- STC

Hưng Yên, ngày 12 tháng 01 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc công khai số liệu và thuyết minh thu, chi ngân sách quý IV và năm 2020 của tỉnh Hưng Yên

1. Thực hiện thu ngân sách nhà nước

Tính đến hết ngày 31/12/2020, tổng thu NSNN trên địa bàn là 16.479 tỷ đồng, đạt 110,86% dự toán HĐND giao, cụ thể:

1.1. Thu nội địa.

Thu nội địa 13.099 tỷ đồng, đạt 123,98% dự toán HĐND giao và tăng 17,18% so với cùng kỳ năm 2019. Nếu trừ thu tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết, thu nội địa 8.932 tỷ đồng, đạt 105,7% dự toán giao.

Thu nội địa tính đến 31/12/2020, có 9/13 khoản thu, sắc thuế đạt từ 100% dự toán trở lên; còn lại 4/13 khoản thu, sắc thuế đạt dưới 100% dự toán, trong đó:

- Khu vực DNNN: thu được 218 tỷ đồng, đạt 92,95%.
- Khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài: thu được 2.101 tỷ đồng, đạt 95,5%
- Khu vực kinh tế NQD: thu được 4.184 tỷ đồng, đạt 112,07%.
- Thuế Thu nhập cá nhân: thu được 984 tỷ đồng, đạt 103,61%.
- Thu tiền sử dụng đất: thu được 4.146 tỷ đồng, đạt 197,03%.
- Tiền thuê đất, mặt nước: thu được 242 tỷ đồng, đạt 102,85%.
- Thuế bảo vệ môi trường: thu được 418 tỷ đồng, đạt 102,05% so với dự toán.
- Lệ phí trước bạ: thu được 374 tỷ đồng, đạt 90,04% so với dự toán.
- Các khoản thu khác: Phí, lệ phí tính cân đối được 72 tỷ đồng, đạt 103,13% dự toán; Thu khác ngân sách tính cân đối được 259 tỷ đồng, đạt 198,85% so với dự toán; Thu cố định tại xã tính cân đối được 31 tỷ đồng, đạt 103,29% so với dự toán; Thu xổ số kiến thiết được 21 tỷ đồng, đạt 191,86% dự toán.

1.2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: thu được 3.380 tỷ đồng, đạt 88,45% dự toán; hoàn thuế GTGT 2.366 tỷ đồng

2. Thực hiện chi ngân sách địa phương

Tính đến 31/12/2020, ngành tài chính đã tập trung triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp để thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020

của Chính phủ; các nhiệm vụ chi ngân sách về cơ bản đều đạt dự toán, đã góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nhìn chung các nhiệm vụ chi ngân sách trong năm đảm bảo tiến độ dự toán. Tổng chi NSNN tính đến 31/12/2020 là 12.676 tỷ đồng, đạt 120,83% kế hoạch giao. Trong đó:

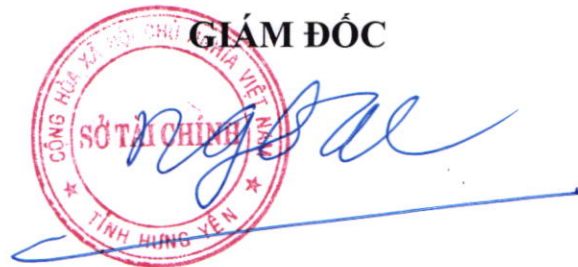
- Chi đầu tư phát triển là 5.948 tỷ đồng, đạt 177,76% dự toán
- Chi thường xuyên là 6.815 tỷ đồng, bằng 98,24% dự toán được giao.

Sở Tài chính đã đôn đốc chủ đầu tư, các đơn vị sử dụng ngân sách đổi chiếu, thu hồi số vốn đã tạm ứng và tất toán các dự án, công trình hoàn thành. Hướng dẫn các đơn vị xử lý dứt điểm nợ đọng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Thường xuyên phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát chi trong quá trình chấp hành Luật ngân sách, phát hiện và uốn nắn kịp thời, xử lý nghiêm những trường hợp chi sai, vượt chế độ và định mức quy định hiện hành.

Vậy, sở Tài chính thông báo công khai số liệu thu, chi quý IV và năm 2020 của tỉnh Hưng Yên./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, QLNS.



Nguyễn Đức Tài

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ IV VÀ NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 03 /TB-STC ngày 12 /01/2021 của sở Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2020	THỰC HIỆN		SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
			QUÝ IV	NĂM 2020	DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM 2019
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	14.865	5.495	16.479	110,86	102,72
I	Thu cân đối NSNN					
1	Thu nội địa	10.565	4.726	13.099	123,98	107,18
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	4.300	2.389	3.380	78,60	88,46
4	Thu viện trợ					
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
B	TỔNG CHI NSĐP	10.566	3.168	12.767	120,83	113,98
I	Chi cân đối NSĐP					
1	Chi đầu tư phát triển	3.346	1.373	5.948	177,76	129,33
2	Chi thường xuyên	6.937	1.791	6.815	98,24	107,22
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	5		3	60	100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1		1	100	
5	Dự phòng ngân sách	200				
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP					
C	BỘI CHI NSĐP/ BỘI THU NSĐP	25		16	64	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC					

SỞ TÀI CHÍNH

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ IV VÀ NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 03 /TB-STC ngày 12 /01/2021 của sở Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2020	THỰC HIỆN		SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
			QUÝ IV	NĂM 2020	DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM 2019
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	14.865	5.495	16.479	110,86	102,72
I	Thu nội địa	10.565	4.727	13.099	123,98	107,18
1	Thu từ khu vực DNNN	234	68	218	92,95	87
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2.200	869	2.101	95,50	103,24
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.733	2.174	4.184	112,07	116,44
4	Thuế thu nhập cá nhân	950	216	984	103,61	115,76
5	Thuế bảo vệ môi trường	410	119	418	102,05	99,05
6	Lệ phí trước bạ	415	112	374	90,04	99,10
7	Thu phí, lệ phí	70	16	72	103,13	98,63
8	Các khoản thu về nhà, đất	2.365	1.058	4.419		
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	26	10	32	121,49	98,44
-	Thu tiền sử dụng đất	2.104	905	4.146	197,03	100,08
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	235	144	242	102,85	99,47
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	17	1	19	111,63	83,63
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước		72	73		
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	11	6	21	191,86	158,49
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	30	13	31	103,29	104,53
13	Thu khác ngân sách	130	75	259	198,85	185,89
II	Thu từ đầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	4.300	832	3.380	78,60	88,45
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	3.921	732	3.052	77,82	87,17
2	Thuế xuất khẩu	10	14	34	342,52	292,10
3	Thuế nhập khẩu	365	87	290	79,40	97,51
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	4	-1	2	55,48	50,53
6	Thu khác					
IV	Thu viện trợ					
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	9.699	4.271	12.194	125,72	106,25
1	Từ các khoản thu phân chia	6.706				
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	2.993				

SỞ TÀI CHÍNH

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ IV VÀ NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 03 /TB-STC ngày 12 /01/2021 của sở Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2020	THỰC HIỆN		SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
			QUÝ IV	NĂM 2020	DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM 2019
	TỔNG CHI NSDP	10.566	3.168	12.767	120,83	155,26
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP					
I	Chi đầu tư phát triển	3.346	1.373	5.948	177,76	366,26
1	Chi đầu tư cho các dự án					
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật					
3	Chi đầu tư phát triển khác					
II	Chi thường xuyên	6.937	1.791	6.815	98,24	107,22
	Trong đó:					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.379	634	2.291	96,29	101,85
2	Chi khoa học và công nghệ	30	8	35	116	94,59
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	435	169	657	151,05	111,67
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	131	54	143	108,9	127,41
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	76	18	73	96,18	140,38
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	153	39	125	81,59	94,32
8	Chi sự nghiệp kinh tế	741	200	647	87,25	86,25
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.519	476	1.711	112,62	112,32
10	Chi bảo đảm xã hội	999	147	716	71,67	125,83
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	5	3	3	65,9	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1	1	1	100	
V	Dự phòng ngân sách	200				
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP					
1	Chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư					
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên					